

Bé c«ng th-¬ng

Tr-êng §HKTKT C«ng NghiÖp

*Bµi th¶o luËn*

*nh÷ng nguyªn lý c¬ b¶n cña chñ nghÜa mac-lªnin*

Líp: §<sup>1</sup>i häc tin k2

# Nhãm 1

1. T<sup>1</sup> v<sup>1</sup>n §<sup>1</sup>t
2. Tr-—ng Thuú Dung
3. §Æng Ngãc Duy
4. Vò ThP Quúnh
5. L-u ThP QuyỐn\_
6. TrÇn TuÊn S—n
7. Bïi §øc ThuËn

## **Con đường biện chứng của nhận thức - nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính**

Nhận thức là một quá trình phức tạp, nó được bắt đầu từ việc xem xét hiện tượng một cách trực tiếp, tích cực, sáng tạo và dựa trên cơ sở thực tiễn. Theo đó, nhận thức không phải là một quá trình thuần túy trừu tượng hay thuần túy cụ thể. Nó là sự phản ánh vào ý thức những hoạt động thực tiễn của con người, dưới dạng ý niệm và biểu tượng. Vượt ra ngoài giới hạn của hoạt động thực tiễn sẽ không có quá trình nhận thức.

Trong Bút ký triết học, Lenin đã khắc họa một cách cô đọng bản chất của nhận thức. Ông cho rằng, con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức thực tại khách quan đi "Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng trên thực tiễn". Theo quan điểm đó, nhận thức là một quá trình biện chứng, diễn ra qua hai giai đoạn: nhận thức cảm tính (trực quan sinh động) và nhận thức lý tính (tư duy trừu tượng). Chúng ta sẽ lần lượt phân tích từng giai đoạn cụ thể để từ đó rút ra kết luận về bản chất của nhận thức và vai trò của nó trong việc sáng tạo nên các phạm trù.

Nhận thức cảm tính có được nhờ sự hoạt động của các giác quan nhận biết của con người, như thính giác, thị giác, xúc giác. Nó được tiến hành thông qua ba hình thức nhận biết quan trọng là cảm giác, tri giác, biểu tượng. Cảm giác là hình thức đầu tiên của sự phản ánh hiện thực khách quan và là nguồn gốc của tri thức. Theo Lenin, cảm giác tư tưởng, ý thức là sản phẩm cao nhất của vật chất được tổ chức theo một cách thức đặc biệt

Cảm giác là một liên hệ trực tiếp của ý thức với thế giới bên ngoài, là sự biến thể, chuyển hoá của năng lượng tác động bên ngoài thành yếu tố của ý thức, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Tri giác nảy sinh trên cơ sở phối hợp, bổ sung lẫn nhau của nhiều cảm giác, đưa lại cho chủ thể nhận thức sự hiểu biết tương đối đầy đủ hơn về đối tượng phản ánh. Biểu tượng là hình ảnh của đối tượng nhận thức với những thuộc tính, mối liên hệ nổi bật của nó được lưu giữ và tái hiện lại trong đầu óc chủ thể. Biểu tượng thể hiện năng lực ghi nhận, lưu giữ, tái hiện thông tin của bộ óc con người. Chính những thông tin này là những dữ liệu căn cứ làm tiền đề cơ bản cho việc hình thành các khái niệm, phạm trù.

Nhận thức cảm tính cung cấp những hiểu biết ban đầu về đối tượng nhận thức, nhưng những hiểu biết đó mới chỉ dừng lại ở những nét bề ngoài của đối tượng. Từ những tri thức trực quan, cảm tính bề ngoài đó, người ta chưa thể phân biệt hoặc xác định được cái bản chất và không bản chất, cái tất nhiên và ngẫu nhiên, tính phổ biến và cá biệt. Hơn nữa, nhận thức cảm tính luôn có giới hạn nhất định, vì sự hoạt động của các giác quan nhận biết không thể lan rộng ra ngoài ngưỡng của cảm giác. Trên thực tế, con người không thể nhìn thấy mọi không gian, màu sắc, nghe được mọi âm thanh, ngửi và nếm được tất cả mùi vị hay tiếp xúc được với những khối lượng cực lớn, cực nhỏ. Trong khi đó, nhiệm vụ của nhận thức là phải nắm bắt bản chất của đối tượng trong tính tất yếu và tính quy luật của nó. Để làm được như vậy, nhận thức phải chuyển lên một giai đoạn, trình độ cao hơn - nhận thức lý tính.

Nhận thức lý tính có được nhờ sự hoạt động của tư duy trừu tượng, nó được tiến hành qua ba hình thức: khái niệm, phán đoán, suy luận.

Như vậy, theo Lênin, các khái niệm, phạm trù chính là sản phẩm của bộ óc con người, chúng đồng thời là hình thức phản ánh giới tự nhiên một cách khái quát, trừu tượng. Tuy nhiên, để hình thành các khái niệm, phạm trù, quá trình nhận thức phải trải qua những khó khăn, phức tạp nhất định. Sự phức tạp, khó khăn đó là ở chỗ:

- 1) Tư duy con người không thể bao quát hết toàn bộ bản chất của đối tượng, không theo sát một cách đầy đủ toàn bộ quá trình phát triển của nó, mà chỉ phản ánh đối tượng một cách cục bộ, đứt đoạn, chỉ tiếp cận được một số đặc điểm nào đó của nó. Vì vậy nếu không hiểu được tính chất này của nhận thức thì rất dễ rơi vào quan điểm siêu hình hoặc bất khả tri luận;
- 2) Nếu không hiểu đúng bản chất biện chứng của quá trình nhận thức thì chúng ta rất dễ sa vào quan điểm duy tâm, tuyệt đối hoá vai trò của khái niệm, phạm trù - coi chúng như là sản phẩm sáng tạo thuần túy của tư duy, quy định sự vận động, phát triển của thế giới. Điều này đã được Ph.Ăngghen lưu ý trong Chống Duyrin và Lênin nhắc lại trong Bút ký triết học

Khái niệm là một hình thức của tư duy trừu tượng, phản ánh những mối liên hệ và thuộc tính bản chất, phổ biến của một lớp các sự vật hiện tượng nào đó. Nó là dữ liệu cơ bản tạo thành nội dung của ý thức, tư duy con người, đồng thời, là những viên gạch xây dựng nên lâu đài của tri thức khoa học nhân loại. Phán đoán là sự liên kết các khái niệm tạo thành một mệnh đề có cấu trúc ngôn ngữ chặt chẽ nhằm khẳng định hay phủ định một thuộc tính, mối liên hệ nào đó của hiện thực khách quan. Suy luận phản ánh quá trình vận động của tư duy đi từ những cái đã biết đến việc nhận thức những cái chưa biết một cách gián tiếp, dựa trên cơ sở sử dụng những tri thức đã có.

Nhiệm vụ của nhận thức lý tính là cải biến những tri thức cảm tính và kết quả là sáng tạo nên các khái niệm, phạm trù, quy luật, nguyên lý... Tất cả chúng là những trừu tượng khoa học phản ánh các mặt, các mối liên hệ bản chất, tất yếu của thế giới hiện thực. Nói cách khác, nhận thức lý tính (tư duy trừu tượng) mang lại cho chủ thể nhận thức những hình ảnh về bản chất của đối tượng nhận thức, thể hiện qua các khái niệm, phạm trù, quy luật... Trong Bút ký triết học, khi bàn về bản chất của nhận thức và cơ chế hình thành các khái niệm, phạm trù, quy luật, Lênin viết: "Nhận thức là sự phản ánh giới tự nhiên bởi con người. Nhưng đó không phải là một phản ánh đơn giản, trực tiếp, hoàn chỉnh, mà là một quá trình cả một chuỗi những sự trừu tượng, sự cấu thành, sự hình thành ra các khái niệm, quy luật etc... Con người không thể nắm được = phản ánh = miêu tả toàn bộ giới tự nhiên một cách đầy đủ, "tính chỉnh thể trực tiếp" của nó, con người chỉ có thể đi gần mãi đến đó, bằng cách tạo ra những trừu tượng, những khái niệm, những quy luật, một bức tranh khoa học về thế giới...".

## **Đặc điểm của nhận thức và vai trò của nó trong việc sáng tạo nên các khái niệm, phạm trù**

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhận thức của con người có các đặc điểm sau:

- 1) nhận thức là quá trình tư duy con người đi từ cái riêng đến cái chung, từ hiện tượng đến bản chất,
- 2) nhận thức tuân thủ nguyên tắc đi từ trừu tượng đến cụ thể,
- 3) nhận thức cũng chính là sự trừu tượng hoá, khái quát hoá.

Việc phân tích các đặc điểm trên giúp chúng ta có thể luận giải vai trò của nhận thức đối với việc sáng tạo các khái niệm, phạm trù.

Nhận thức là quá trình tư duy con người đi từ cái riêng đến cái chung, từ hiện tượng đến bản chất.

Triết học Mác - Lênin khẳng định rằng, nhận thức cần phải đi từ cái cá biệt đến cái phổ biến, từ cái riêng đến cái chung, từ hiện tượng đến bản chất. Bởi vì, có như vậy con người mới đạt tới sự hiểu biết đúng đắn, đầy đủ, chính xác về bản chất và quy luật của các sự vật, hiện tượng cũng như của thế giới khách quan nói chung. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật cũng cho thấy, trong thế giới, các sự vật, hiện tượng không phải tồn tại biệt lập với nhau, mà trong mối liên hệ và tác động qua lại lẫn nhau, cái cá biệt chính là một bộ phận của cái phổ biến và ngược lại, cái phổ biến tự thể hiện mình thông qua cái cá biệt. Chẳng hạn, không thể hiểu được bản chất của một cá nhân nếu không tìm hiểu bản chất của những cá nhân khác, cũng như mối quan hệ của nó đối với cộng đồng.

Quá trình tư duy đi từ cái riêng đến cái chung, từ hiện tượng đến bản chất giúp con người có thể rút ra những đặc tính chung của một lớp sự vật, qua đó đúc kết thành các khái niệm, phạm trù. Mác đã vận dụng đặc điểm này của nhận thức để nghiên cứu lịch sử phát triển xã hội loài người. Qua sự khảo sát tiến trình vận động, phát triển lịch sử của từng dân tộc (quốc gia) riêng biệt, từng thời đại riêng biệt, Mác đã đi tới việc thiết lập một hệ thống các phạm trù kinh tế - xã hội, như phương thức sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, hình thái kinh tế - xã hội, Nhà nước, cách mạng xã hội, giai cấp và đấu tranh giai cấp... Dựa trên hệ thống các phạm trù đó, Mác đã xây dựng nên những học thuyết khoa học về hình thái kinh tế xã hội, về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Các học thuyết này chứa đựng những phạm trù, nguyên lý, quy luật chung làm cơ sở lý luận và phương pháp luận cho việc nghiên cứu lịch sử của các dân tộc trong những giai đoạn lịch sử cụ thể.

Đi từ trừu tượng đến cụ thể là cách cải biến về mặt lý luận khoa học những tư liệu của thực quan thành những khái niệm, phạm trù và là phương pháp vận động của tư duy đi từ một hiện tượng thực tế đã được ghi lại trong biểu tượng hết sức trừu tượng xác định của nó tới một hiện tượng khác thực tế đã có. Đi từ trừu tượng đến cụ thể chính là yêu cầu của logic biện chứng. Phương pháp đó cho phép chủ thể nhận thức thâm nhập vào bản chất của đối tượng nghiên cứu, hình dung được tất cả các mặt và quan hệ tất yếu của nó với thế giới xung quanh. Theo nguyên tắc này thì nhận thức phải bắt đầu từ cái cụ thể cảm tính, từ các đặc tính hay khái niệm trừu tượng phản ánh những mặt, những quan hệ chung đơn giản nhất của khách thể nhận thức, rồi từ đó đi đến cái cụ thể trong tư duy, tức là những khái niệm, phạm trù chung nhất.

Bộ Tư bản của Mác là một ví dụ điển hình của việc quán triệt, áp dụng nguyên tắc nhận thức này. Trong đó, Mác bắt đầu từ chỗ phân tích những đặc tính đơn giản nhất, trừu tượng nhất của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, như hàng hoá, giá trị, tiền tệ... để đi đến nhận thức bản chất của quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư, cũng như cách thức nhà tư bản mua sức lao động của người công nhân như một hàng hoá, Trên cơ sở nghiên cứu phạm trù lao động xã hội, ông đã phát hiện ra:

- 1) Mối quan hệ giữa người và người ẩn nấp đằng sau mối quan hệ giữa hàng hoá - giá trị - giá cả.
- 2) Bản chất bóc lột sức lao động của nhà tư bản,
- 3) Sự tha hoá lao động và mâu thuẫn giữa tư bản và lao động.

Trừu tượng hoá và khái quát hoá là một năng lực quan trọng của tư duy con người, là công cụ hữu hiệu giúp con người có thể sáng tạo nên những sản phẩm tinh thần kỳ diệu, trong đó có các khái niệm, phạm trù. Nhờ có năng lực trừu tượng hoá và khái quát hoá, tư duy con người có thể bỏ qua những cái ngẫu nhiên, không cơ bản của đối tượng nhận thức để tách cái chung khỏi cái riêng, cái bản chất khỏi cái hiện tượng, cái tất yếu khỏi cái ngẫu nhiên. Chính cái chung, cái bản chất, cái tất yếu đó là cơ sở để thiết lập nên các khái niệm, phạm trù. Với nghĩa như vậy, Mác viết: "...khi mọi sự vật, được trừu tượng đến cùng... thì người ta sẽ ới đến chỗ có được những phạm trù logic...".

Sự khái quát hoá cho phép tư duy con người tìm thấy cơ sở, sự liên hệ thống nhất nội tại, tính quy luật của các đối tượng. Kết quả của sự khái quát được lưu lại trong các khái niệm, phạm trù

Nhờ có tư duy biện chứng sâu sắc cũng như năng lực trừu tượng hoá và khái quát hoá cao, Lênin đã xác định một cách khoa học nội hàm của phạm trù vật chất. Dựa trên sự khảo sát các sự vật, hiện tượng phong phú của hiện thực khách quan, từ thế giới vi mô đến thế giới vĩ mô, từ vô cơ đến hữu cơ, từ tự nhiên đến xã hội, ông đã khái quát nên định nghĩa nổi tiếng về vật chất: "Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác". Theo đó, vật chất không phải là một yếu tố, thực thể cụ thể, như nước, lửa, không khí, đất hay nguyên tử... mà là tổng thể các yếu tố đó, là toàn bộ thực tại khách quan với đặc trưng là khi tác động vào giác quan nhận biết của con người thì gây nên cảm giác. Vật chất là phạm trù có ngoại diên rộng nhất, bao quát toàn bộ mọi dạng tồn tại hiện thực của nó. Định nghĩa này của Lênin có một ý nghĩa phương pháp luận to lớn. Nó đã vượt xa các quan niệm về vật chất trước đó, giúp chúng ta phản bác lại các quan điểm siêu hình, bất khả tri và duy tâm chủ quan.

Cũng với cách thức như vậy, Lênin đã thiết lập phạm trù giai cấp. Theo ông, giai cấp là những tập đoàn người to lớn, khác nhau về bốn điểm cơ bản sau:

- 1) Địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định,
- 2) Quan hệ của họ đối với tư liệu sản xuất,
- 3) Vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội và quản lý sản xuất,
- 4) Phương thức thu nhập của cải do lao động xã hội làm ra.

Bằng phương pháp trừu tượng và khái quát hoá, Lênin đã giúp chúng ta nắm bắt được những đặc tính chung, cơ bản nhất, những dấu hiệu phổ biến, ổn định của giai cấp, dù đó là các giai cấp trong xã hội chiếm hữu nô lệ, phong kiến hay trong xã hội tư bản hiện đại.

Tóm lại, sự hình thành các khái niệm, phạm trù gắn bó hữu cơ với quá trình nhận thức. Nhờ đi từ cái riêng đến cái chung, từ hiện tượng đến bản chất, từ trừu tượng đến cụ thể, nhờ có năng lực trừu tượng hoá và khái quát hoá mà tư duy con người có thể sáng tạo nên các hình thức phản ánh thế giới một cách gián tiếp, với mức độ khái quát và trừu tượng hoá cao đó chính là các khái niệm, các phạm trù triết học (hay logic học). Những phân tích trên đã cho chúng ta thấy vai trò to lớn của nhận thức con người trong việc sáng tạo nên các khái niệm, phạm trù.

## 2. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

Thực tiễn có 2 chức năng quan trọng:

- Chuyển cái tinh thần thành cái vật chất: khách quan hoá chủ quan.
- Chuyển cái vật chất thành cái tinh thần: chủ quan hoá khách quan.

### a. Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức

Nhận thức ngay từ đầu đã xuất phát từ thực tiễn, do thực tiễn quy định. Chính do yêu cầu sản xuất vật chất và đấu tranh cải tạo XH buộc con người phải nhận thức thế giới. Nhờ có thực tiễn mà con người nhận thức ngày càng sâu sắc, đầy đủ thế giới xung quanh.

Cách thức nhận thức: thực tiễn là tác động của con người vào đối tượng, buộc đối tượng bộc lộ những thuộc tính, kết cấu, quy luật, trên cơ sở đó con người nhận thức chúng. Và nhận thức là nắm bắt bản chất, quy luật, thuộc tính kết cấu của SV.

Thực tiễn làm cho giác quan con người ngày càng phát triển hoàn thiện.  
Thực tiễn tạo ra những công cụ phương tiện hiện đại giúp cho năng suất lao động tăng lên, KH không ngừng phát triển như kính hiển vi, vi tính, tàu vũ trụ ...  
AGHEN "từ trước tới nay, KHTN cũng như TN hoàn toàn coi thường ảnh hưởng của hoạt động con người đối với tư duy của họ. Hai môn ấy, một mặt chỉ biết có TN, mặt khác chỉ biết có tư tưởng. nhưng chính người ta biến đổi tự nhiên . . . là cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của tư duy con người và trí tuệ con người đã phát triển song song với việc người ta học cải biến TN"

b. Thực tiễn là mục đích của nhận thức

Những tri thức khoa học chỉ đúng khi chúng được vận dụng vào thực tiễn.  
Mục đích cuối cùng của nhận thức không phải là bản thân tri thức, mà là để cải tạo tự nhiên, xã hội đáp ứng cho nhu cầu của con người.

Thực tiễn nêu ra những vấn đề cho nhận thức hướng tới giải đáp, nhờ đó các ngành khoa học ngày càng phát triển

Thực tiễn cũng tạo ra những phương tiện cần thiết giúp cho việc nghiên cứu khoa học, đem lại những tài liệu, dữ kiện giúp tổng kết, khái quát hình thành lý luận

c. Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra tri thức, là tiêu chuẩn của chân lý

Chỉ có thể đem những tri thức thu nhận được kiểm nghiệm qua thực tiễn mới thấy rõ tính sai lầm hay đúng đắn của chúng

Lênin: "Quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận và nhận thức".

## Các giai đoạn của nhận thức

Theo quan điểm của phép **tư duy biện chứng**, hoạt động nhận thức của con người đi từ **trực quan sinh động** đến **tư duy trừu tượng**, và từ **tư duy trừu tượng** đến **thực tiễn**. Con đường nhận thức đó được thực hiện qua các giai đoạn từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp đến cao, từ cụ thể đến trừu tượng, từ hình thức bên ngoài đến bản chất bên trong, như sau:

**Nhận thức cảm tính** (hay còn gọi là **trực quan sinh động**) là giai đoạn đầu tiên của quá trình nhận thức. Đó là giai đoạn con người sử dụng các giác quan để tác động vào sự vật nhằm nắm bắt sự vật ấy. Nhận thức cảm tính gồm các hình thức sau:

**Cảm giác**: là hình thức nhận thức cảm tính phản ánh các thuộc tính riêng lẻ của các sự vật, hiện tượng khi chúng tác động trực tiếp vào các giác quan của con người. Cảm giác là nguồn gốc của mọi sự hiểu biết, là kết quả của sự chuyển hoá những năng lượng kích thích từ bên ngoài thành yếu tố ý thức. **Lenin** viết: "Cảm giác là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan". Nếu dừng lại ở cảm giác thì con người mới hiểu được thuộc tính cụ thể, riêng lẻ của sự vật. Điều đó chưa đủ; bởi vì, muốn hiểu biết bản chất của sự vật phải nắm được một cách tương đối trọn vẹn sự vật. Vì vậy nhận thức phải vươn lên hình thức nhận thức cao hơn"

**Tri giác**: hình thức nhận thức cảm tính phản ánh tương đối toàn vẹn sự vật khi sự vật đó đang tác động trực tiếp vào các giác quan con người. Tri giác là sự tổng hợp các cảm giác. So với cảm giác thì tri giác là hình thức nhận thức đầy đủ hơn, phong phú hơn. Trong tri giác chứa đựng cả những thuộc tính đặc trưng và không đặc trưng có tính trực quan của sự vật. Trong khi đó, nhận thức đòi hỏi phải phân biệt được đâu là thuộc tính đặc trưng, đâu là thuộc tính không đặc trưng và phải nhận thức sự vật ngay cả khi nó không còn trực tiếp tác động lên cơ quan cảm giác con người. Do vậy nhận thức phải vươn lên hình thức nhận thức cao hơn

**Biểu tượng:** là hình thức nhận thức cảm tính phản ánh tương đối hoàn chỉnh sự vật do sự hình dung lại, nhớ lại sự vật khi sự vật không còn tác động trực tiếp vào các giác quan. Trong biểu tượng vừa chứa đựng yếu tố trực tiếp vừa chứa đựng yếu tố gián tiếp. Bởi vì, nó được hình thành nhờ có sự phối hợp, bổ sung lẫn nhau của các giác quan và đã có sự tham gia của yếu tố phân tích, tổng hợp. Cho nên biểu tượng phản ánh được những thuộc tính đặc trưng nổi trội của các sự vật[3].

### **Giai đoạn này có các đặc điểm:**

Phản ánh trực tiếp đối tượng bằng các giác quan của chủ thể nhận thức[1].

Phản ánh bề ngoài, phản ánh cả cái tất nhiên và ngẫu nhiên, cả cái bản chất và không bản chất. Giai đoạn này có thể có trong tâm lý động vật[1].

Hạn chế của nó là chưa khẳng định được những mặt, những mối liên hệ bản chất, tất yếu bên trong của sự vật. Để khắc phục, nhận thức phải vươn lên giai đoạn cao hơn, giai đoạn lý tính.

**Nhận thức lý tính** (hay còn gọi là **tư duy trừu tượng**) là giai đoạn phản ánh gián tiếp trừu tượng, khái quát sự vật, được thể hiện qua các hình thức như khái niệm, phán đoán, suy luận.

**Khái niệm:** là hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng, phản ánh những đặc tính bản chất của sự vật. Sự hình thành khái niệm là kết quả của sự khái quát, tổng hợp biện chứng các đặc điểm, thuộc tính của sự vật hay lớp sự vật. Vì vậy, các khái niệm vừa có tính khách quan vừa có tính chủ quan, vừa có mối quan hệ tác động qua lại với nhau, vừa thường xuyên vận động và phát triển. Khái niệm có vai trò rất quan trọng trong nhận thức bởi vì, nó là cơ sở để hình thành các phán đoán và tư duy khoa học

**Phán đoán:** là hình thức tư duy trừu tượng, liên kết các khái niệm với nhau để khẳng định hay phủ định một đặc điểm, một thuộc tính của đối tượng. Thí dụ: "Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng" là một phán đoán vì có sự liên kết khái niệm "dân tộc Việt Nam" với khái niệm "anh hùng". Theo trình độ phát triển của nhận thức, phán đoán được phân chia làm ba loại là phán đoán đơn nhất (ví dụ: đồng dẫn điện), phán đoán đặc thù (ví dụ: đồng là kim loại) và phán đoán phổ biến (ví dụ: mọi kim loại đều dẫn điện). Ở đây phán đoán phổ biến là hình thức thể hiện sự phản ánh bao quát rộng lớn nhất về đối tượng[3].

Nếu chỉ dừng lại ở phán đoán thì nhận thức chỉ mới biết được mối liên hệ giữa cái đơn nhất với cái phổ biến, chưa biết được giữa cái đơn nhất trong phán đoán này với cái đơn nhất trong phán đoán kia và chưa biết được mối quan hệ giữa cái đặc thù với cái đơn nhất và cái phổ biến. Chẳng hạn qua các phán đoán thí dụ nêu trên ta chưa thể biết ngoài đặc tính dẫn điện giống nhau thì giữa đồng với các kim loại khác còn có các thuộc tính giống nhau nào khác nữa. Để khắc phục hạn chế đó, nhận thức lý tính phải vươn lên hình thức nhận thức suy luận[3].

**Suy luận:** là hình thức tư duy trừu tượng liên kết các phán đoán lại với nhau để rút ra một phán đoán có tính chất kết luận tìm ra tri thức mới. Thí dụ, nếu liên kết phán đoán "đồng dẫn điện" với phán đoán "đồng là kim loại" ta rút ra được tri thức mới "mọi kim loại đều dẫn điện". Tùy theo sự kết hợp phán đoán theo trật tự nào giữa phán đoán đơn nhất, đặc thù với phổ biến mà người ta có được hình thức suy luận quy nạp hay diễn dịch[3].

Ngoài suy luận, trực giác lý tính cũng có chức năng phát hiện ra tri thức mới một cách nhanh chóng và đúng đắn[3].

## Giai đoạn này cũng có hai đặc điểm:

Là quá trình nhận thức gián tiếp đối với sự vật, hiện tượng[3].

Là quá trình đi sâu vào bản chất của sự vật, hiện tượng[3].

Nhận thức cảm tính và lý tính không tách bạch nhau mà luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Không có nhận thức cảm tính thì không có nhận thức lý tính. Không có nhận thức lý tính thì không nhận thức được bản chất thật sự của sự vật[1].

Nhận thức trở về thực tiễn, ở đây tri thức được kiểm nghiệm là đúng hay sai. Nói cách khác, thực tiễn có vai trò kiểm nghiệm tri thức đã nhận thức được[3]. Do đó, thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, là cơ sở động lực, mục đích của nhận thức[1]. Mục đích cuối cùng của nhận thức không chỉ để giải thích thế giới mà để cải tạo thế giới[1][2]. Do đó, sự nhận thức ở giai đoạn này có chức năng định hướng thực tiễn.









